

CÁC YẾU TỐ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

Phan Thị Phương Thảo^{a,*}

^a*Khoa Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội,
Số 1 Đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 02/08/2018, Sửa xong 12/09/2018, Chấp nhận đăng 26/09/2018

Tóm tắt

Hiện nay ngành Công nghiệp văn hóa là một ngành công nghiệp mới nổi gắn với nền kinh tế tri thức và kinh tế số, hiện đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới, đem lại doanh thu lợi nhuận cao, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và tạo ra sức ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực khác của quốc gia. Hoạt động của ngành chủ yếu gắn với ý tưởng sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ số. Việt Nam hiện cũng đang quan tâm và định hướng phát triển lĩnh vực này thông qua các chiến lược của chính phủ và sự quan tâm cũng như nhu cầu tiêu dùng văn hóa của người dân. Tuy nhiên ngành Công nghiệp văn hóa tại Việt Nam hiện nay chỉ mới bắt đầu hình thành và còn thiếu các điều kiện để phát triển trong đó có hệ thống kết cấu hạ tầng ngành. Chính vì vậy, quy hoạch xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa cần là nhiệm vụ cấp thiết và cần được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn phù hợp với điều kiện Việt Nam. Bài báo với đối tượng nghiên cứu là hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa sẽ nghiên cứu các vấn đề thực tiễn và xu hướng trên thế giới và đưa ra quan điểm chung và nội dung của các yếu tố phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa tại Việt Nam. Phạm vi nghiên cứu là trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam và trong thời gian từ nay tới năm 2020, tầm nhìn tới năm 2030.

Từ khóa: kết cấu hạ tầng; công nghiệp văn hóa; tài nguyên văn hóa; văn hóa kỹ thuật số; yếu tố phát triển.

INFRASTRUCTURE FOR CULTURAL INDUSTRY DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF VIETNAM

Abstract

Currently, the cultural industry, an emerging industry associated with knowledge economy and digital economy, has been strongly growing in the world, bringing high profit, making a shift of economic structure, and positively affecting other sectors of economy. The activities of this kind of industry are mainly related to creative ideas and application of science and technology, especially digital technology. Vietnam has recently paid more attention to promote the cultural industry. However, the cultural industry in Vietnam is just beginning and lack of conditions for development, including the endemic infrastructure system. Therefore, the planning of the cultural industry infrastructure system should be an urgent task and in order to implement the developing strategies in this sector, it needs preparing a basic infrastructure which is in accordance with Vietnam context both theoretically and practically. This article focuses on analyzing the global development factors in cultural industry and from which proposes general views on developing cultural industry infrastructure in Vietnam. The scope of the research is on the entire territory of Vietnam and from now until 2020, vision to 2030.

Keywords: infrastructure; cultural industry; cultural resources; digital culture; development factor.

[https://doi.org/10.31814/stce.nuce2018-12\(6\)-11](https://doi.org/10.31814/stce.nuce2018-12(6)-11) © 2018 Trường Đại học Xây dựng (NUCE)

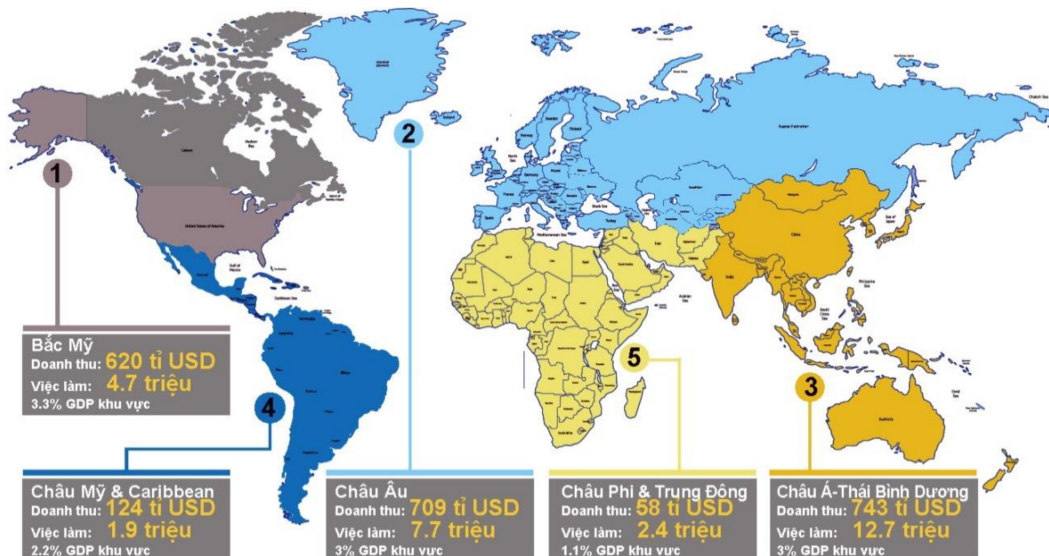
*Tác giả chính. Địa chỉ e-mail: phanphuongthao2312@gmail.com (Thảo, P. T. P.)

1. Giới thiệu

Công nghiệp văn hóa là một ngành công nghiệp mới nổi bao gồm các hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ văn hóa gắn với yếu tố sáng tạo phục vụ cho thị trường và vì vậy có liên quan trực tiếp tới ngành công nghiệp sáng tạo nên còn được định nghĩa là ngành Công nghiệp văn hóa sáng tạo [1], trực tiếp ảnh hưởng tới kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa; nằm trong lĩnh vực kinh tế công nghiệp, kinh tế dịch vụ và kinh tế số; là điểm giao của nghệ thuật, kinh doanh và khoa học công nghệ; cầu nối giữa bản sắc văn hóa quốc gia và hội nhập quốc tế [2].

Theo dữ liệu thống kê của Ngân hàng thế giới, tỷ lệ đóng góp doanh thu của ngành Công nghiệp văn hóa (bao gồm cả lĩnh vực du lịch văn hóa) đối với tổng doanh thu toàn cầu là xấp xỉ 4,04% và đem lại việc làm chiếm tỷ trọng 2,21% tổng số lao động trên thế giới, lao động ngành có thu nhập cao gấp 2,44 lần so với mặt bằng chung [2]. Công nghiệp văn hóa còn đóng vai trò ngành công nghiệp mang tính mở đường, giúp quảng cáo thương hiệu và khai thác thị trường cho các ngành công nghiệp khác. Nếu như các ngành công nghiệp truyền thống thường khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động sản xuất thì ngành Công nghiệp văn hóa sử dụng tài nguyên đầu vào là sự sáng tạo, các giá trị văn hóa. Vì thế ngành có ưu thế hơn về phát triển bền vững, không gây ô nhiễm tới môi trường hay phá hủy các nguồn tài nguyên. Bên cạnh đó, các sản phẩm đầu ra của ngành thường là các sản phẩm phi vật thể, dạng dữ liệu, có tính kế thừa, có khả năng tái sử dụng cao.

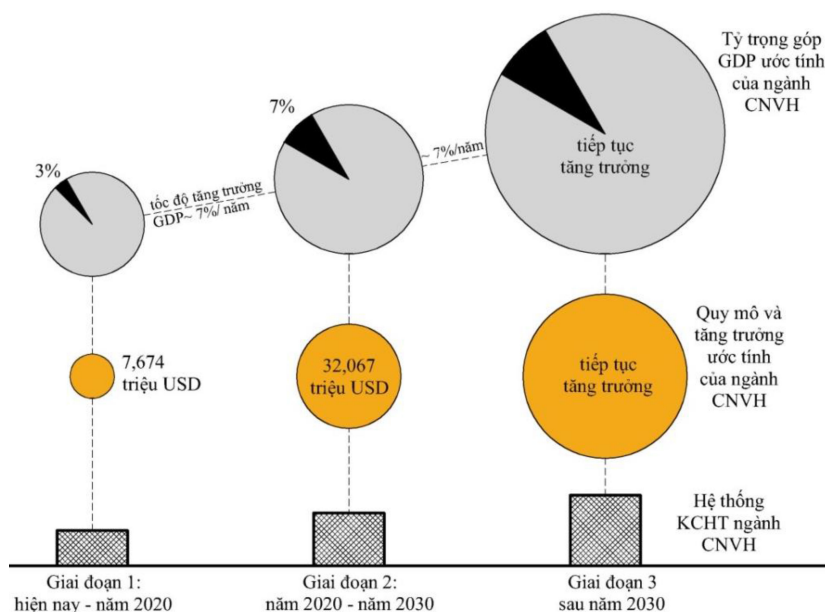
Như vậy ngành Công nghiệp văn hóa có khả năng đem lại nguồn thu lớn, lượng việc làm đáng kể, là ngành công nghiệp mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay (Hình 1). Tuy nhiên trong xu hướng toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, các quốc gia có nền công nghiệp văn hóa kém phát triển sẽ dễ dàng trở thành quốc gia chuyên nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm văn hóa, như vậy vừa mất lợi thế trong thị trường nội địa vừa làm hạn chế khả năng phát triển ngành để xuất khẩu sản phẩm ra thị trường quốc tế [3]. Chính vì vậy Việt Nam cần nhanh chóng xây dựng và phát triển ngành Công nghiệp văn hóa, đưa Việt Nam thành quốc gia có nền văn hóa phát triển, có khả năng sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa chất lượng.



Hình 1. Đóng góp của ngành công nghiệp văn hóa trên toàn cầu [1]

Chiến lược phát triển các ngành Công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 được chính phủ phê duyệt tại QĐ số 1755/QĐ-TTg, ngày 08/9/2016 đã xác định mục tiêu phát

triển các ngành Công nghiệp văn hóa trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, phát triển rõ rệt về chất và lượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm thông qua việc sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm dịch vụ văn hóa đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ và tiêu dùng văn hóa của người dân trong nước và xuất khẩu; góp phần quảng bá thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa; ưu tiên phát triển các ngành có nhiều lợi thế, tiềm năng của Việt Nam và mục tiêu cụ thể là phần đầu doanh thu của các ngành Công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 3% GDP vào năm 2020 và 7% vào năm 2030 và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội (Hình 2) [4].



Hình 2. Quy mô tăng trưởng ngành Công nghiệp văn hóa trong tổng thể Kinh tế xã hội từ nay tới 2030 [4]

Bất kỳ ngành hay lĩnh vực nào cũng có hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất riêng, vì vậy muốn xây dựng phát triển ngành công nghiệp văn hóa thì cần xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đặc thù. Thực tế hiện nay các mô hình sản xuất của ngành Công nghiệp văn hóa chủ yếu phụ thuộc vào hệ thống Kết cấu hạ tầng chung quốc gia gồm hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và hạ tầng xã hội, chưa có hệ thống hạ tầng chuyên ngành mang mục đích phát triển đột phá. Việt Nam hiện vẫn đang phát triển, trong khi Công nghiệp văn hóa là ngành công nghiệp mới, hệ thống Kết cấu hạ tầng chuyên biệt chưa có vì vậy việc xây dựng hệ thống Kết cấu hạ tầng có vai trò thúc đẩy phát triển ngành Công nghiệp văn hóa là phù hợp và cấp thiết. Nhận thức được vấn đề này, trong quyết định 1755 của chính phủ đã đặt mục tiêu xây dựng các trung tâm Công nghiệp văn hóa tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, TP Hồ chí Minh và TP Đà Nẵng và tại 8 địa phương có di sản thế giới [4].

Trong xu hướng lan tỏa của cuộc cách mạng 4.0 với yếu tố liên kết công nghệ, mọi cá nhân đều được gia tăng khả năng tiếp cận, tham gia vào hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ văn hóa [5]. Hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa sẽ gồm cả hệ thống hạ tầng thực và hệ thống hạ tầng ảo, là nơi tập trung các chuyên gia về lĩnh vực, công nghệ, tài chính, đào tạo, nơi hội tụ và lan tỏa các giá trị văn hóa, thông tin đem lại cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển cho tất cả các cá nhân và tổ chức tham gia hoạt động trong ngành Công nghiệp văn hóa.

2. Các yếu tố nền tảng xây dựng, phát triển hệ thống ngành Công nghiệp văn hóa

Để hình thành và phát triển ngành Công nghiệp văn hóa dựa trên rất nhiều yếu tố, nhưng chủ yếu dựa trên các yếu tố như sau: Nguồn tài chính; Tài nguyên văn hóa; Nhân lực có tri thức, sáng tạo; Khoa học công nghệ, công nghệ kỹ thuật số; Xây dựng thương hiệu và khai thác thị trường.

2.1. Nguồn tài chính

Bất kỳ ngành công nghiệp nào cũng cần có nguồn tài chính ban đầu để phát triển, mặc dù sản xuất công nghiệp văn hóa không cần nguồn vốn đầu tư quá lớn [2] nhưng cũng có các rủi ro về mức độ thành công. Các hoạt động tài chính sẽ bao gồm hoạt động đánh giá đầu tư, thực hiện đầu tư và các hoạt động chuyên môn khác. Nguồn tài chính sẽ được huy động từ các cá nhân tổ chức có khả năng và nhu cầu đầu tư vào các lĩnh vực ngành Công nghiệp văn hóa. Hiện nay hệ thống các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhất là đối với doanh nghiệp của các ngành công nghiệp mới nổi đa phần là các doanh nghiệp quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ [6] khả năng tiếp cận các nguồn lực có các yếu tố phát triển gặp nhiều hạn chế đặc biệt là nguồn đầu tư, chính vì vậy cần giúp các doanh nghiệp công nghiệp văn hóa tiếp cận với nguồn tài chính từ các quỹ, cá nhân đầu tư.

2.2. Tài nguyên văn hóa

Hoạt động sản xuất ngành Công nghiệp văn hóa cần có nguồn tài nguyên đặc thù, đó là tài nguyên văn hóa, bao gồm các giá trị văn hóa vật thể hoặc phi vật thể. Nền văn hóa Việt Nam được đánh giá khá đa dạng, có bề dày lịch sử phát triển từ đó hình thành lượng lớn các giá trị văn hóa, đặc biệt kể tới di sản văn hóa, đây chính là nguồn tài nguyên có hàm lượng giá trị văn hóa cao và hơn nữa đã có thương hiệu từ cấp thế giới tới cấp địa phương. Việt Nam có hơn 40 000 di sản các cấp, đây là nguồn tài nguyên dồi dào cần khai thác, đặc biệt khai thác đối với các di sản thế giới [7]. Cách thức khai thác tài nguyên cần chú trọng công tác bảo vệ đối với các di sản, hiện nay việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số có thể giúp ngành công nghiệp văn hóa khai thác tài nguyên văn hóa một cách gián tiếp và còn giúp lưu giữ và phát huy những giá trị văn hóa từ di sản một cách bền vững.

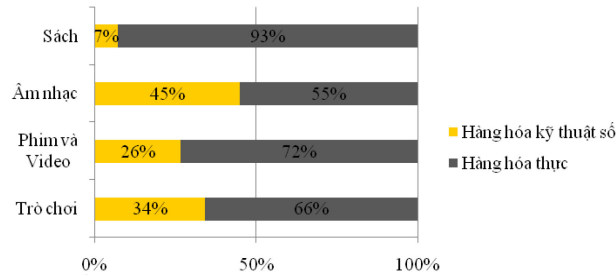
2.3. Nhân lực có tri thức, sáng tạo

Tri thức, sáng tạo là những yếu tố xuyên suốt quy trình sản xuất ngành công nghiệp Văn hóa, có thể coi đây là dạng tài nguyên toàn cầu, không giới hạn bởi các nguồn lực hạn chế như các ngành công nghiệp truyền thống. Chính vì vậy việc quan tâm đầu tư vào các hoạt động đào tạo nâng cao và chuyên sâu hình thành đội ngũ nhân lực có tri thức, có khả năng sáng tạo đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động ngành công nghiệp văn hóa rất cần thiết.

2.4. Khoa học công nghệ - công nghệ kỹ thuật số

Khoa học công nghệ, yếu tố không thể thiếu trong việc phát triển bất kỳ ngành công nghiệp nào, công nghệ giúp tăng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Theo đánh giá xu hướng tiêu dùng hiện nay trên toàn thế giới thì các sản phẩm văn hóa kỹ thuật số đang dần chiếm ưu thế về lượng tiêu thụ hơn so với các sản phẩm văn hóa truyền thống (Hình 3) [8].

Vì vậy việc nghiên cứu và phát triển và ứng dụng công nghệ số cho chuỗi sản xuất ngành Công nghiệp văn hóa diễn ra tất yếu. Để thực hiện được nhiệm vụ này cần chú trọng vai trò của các tổ chức nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp công nghệ thông qua các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển và thương mại công nghệ kỹ thuật số [9].



Hình 3. So sánh tiêu thụ hàng hóa kỹ thuật số và hàng hóa thực [1]

2.5. Xây dựng thương hiệu, khai thác thị trường

Việc nghiên cứu đánh giá nhu cầu thị trường, từ các thị trường dễ tính tới thị trường khó tính hơn, đóng vai trò quan trọng trong thành công của các lĩnh vực ngành Công nghiệp văn hóa. Xu hướng tiêu dùng trên toàn thế giới đang thay đổi liên tục theo sự cập nhật của các sản phẩm mới từ các nước có hệ thống sản xuất sản phẩm văn hóa phát triển, lan tỏa và định hình nhu cầu tiêu dùng của các nước khác. Vì vậy muốn có nền Công nghiệp văn hóa phát triển thì công tác nghiên cứu đánh giá, thậm chí tạo lập thị trường tiêu dùng văn hóa cần phải xuyên suốt và liên tục [10].

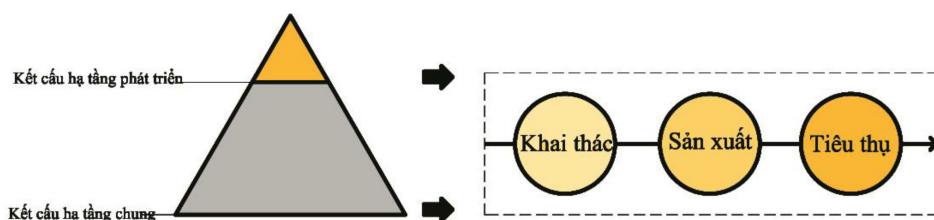
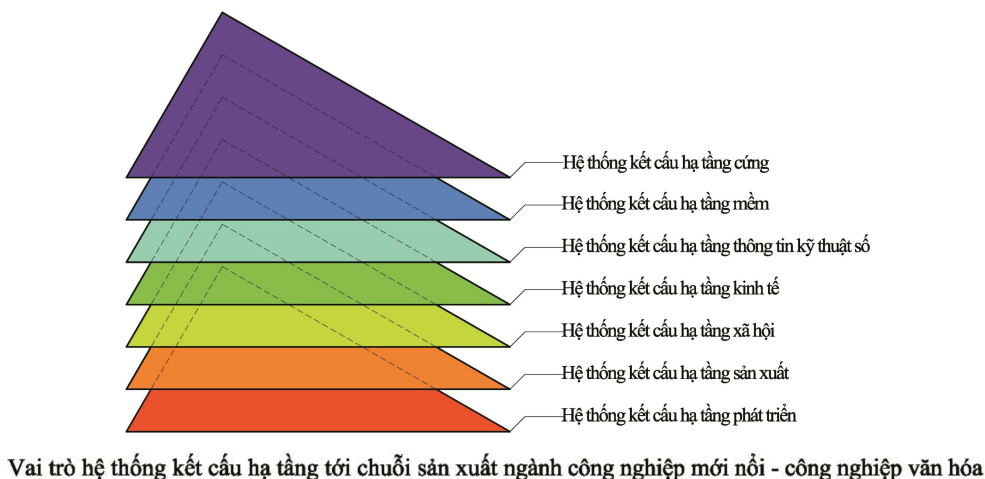
Bên cạnh các yếu tố đã nêu trên, còn có nhiều yếu tố khác như cơ chế, chính sách, luật pháp...

3. Thực tiễn hệ thống Kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa tại Việt Nam

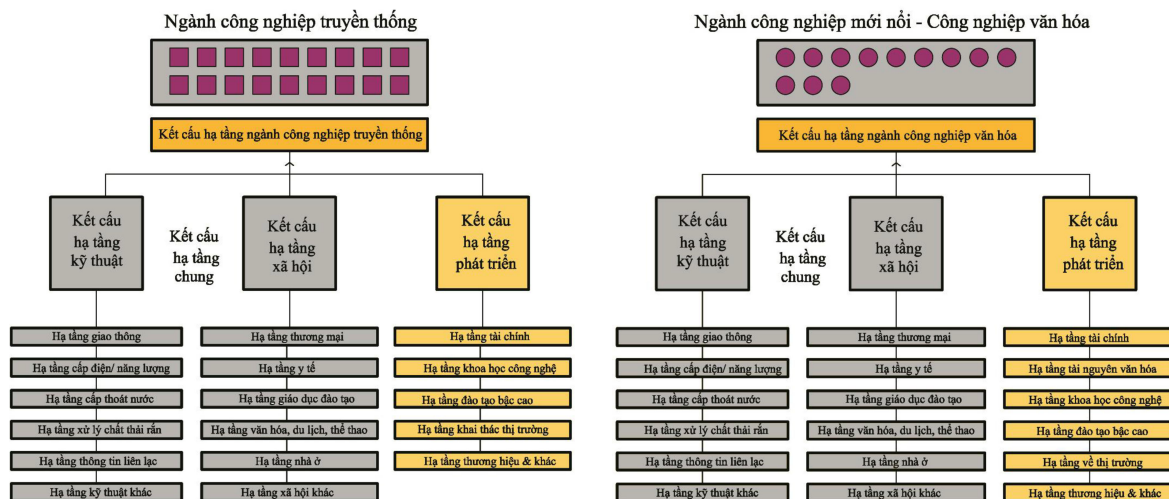
Hiện nay có rất nhiều cách định nghĩa, phân loại hệ thống kết cấu hạ tầng nói chung như kết cấu hạ tầng cứng, kết cấu hạ tầng mềm, kết cấu hạ tầng thực, ảo kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội [11]. Đối với ngành Công nghiệp văn hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng có thể được phân ra: Kết cấu hạ tầng chung gồm Kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội và Kết cấu hạ tầng phát triển cung cấp các dịch vụ cấp cao cho chuỗi sản xuất, đây là kết cấu hạ tầng phát triển.

Ngành Công nghiệp văn hóa có hoạt động sản xuất, dịch vụ theo quy mô công nghiệp gắn với các yếu tố văn hóa, sáng tạo. Tương tự như các ngành công nghiệp khác trong hoạt động kinh tế xã hội, sản phẩm của ngành Công nghiệp văn hóa được tạo ra trong chuỗi sản xuất hàng hóa và chuỗi giá trị, từ việc khai thác tài nguyên, tạo lập sản phẩm, sản xuất, phân phối và dịch vụ tiêu dùng trên thị trường (Hình 4). Quá trình này đòi hỏi các cơ sở hạ tầng tương ứng theo từng phân đoạn. Tuy nhiên khác với các ngành công nghiệp truyền thống vốn dựa vào hệ thống Kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật là chủ yếu thì ngành Công nghiệp văn hóa dựa vào hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển bao gồm: Khai thác Tài nguyên văn hóa; Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; Đào tạo nhân lực bậc cao; Xây dựng thương hiệu và các dịch vụ cấp cao như tài chính, tư vấn luật (Hình 5).

Trên thế giới, các nước phát triển đã có các mô hình hạ tầng phát triển, như mô hình Thung lũng silicon tại California, Mỹ nhằm thúc đẩy các start up và các hoạt động nghiên cứu kinh doanh công nghệ cao; mô hình Hollywood sản xuất và xây dựng thương hiệu cho ngành điện ảnh tại Los Angeles, Mỹ, Trung tâm xúc tiến văn hóa tại Hàn Quốc; mô hình phim trường Hoành Diêm tại Triết Giang, Trung Quốc với mục đích cung cấp dịch vụ sản xuất cho ngành công nghiệp truyền hình. Hiện Việt Nam chưa hình thành và khai thác được các mô hình như vậy (Hình 6). Để lấp được khoảng trống đó, cần nghiên cứu các bài học thực tiễn, đặc biệt là các nước có ngành Công nghiệp văn hóa phát triển và áp dụng với điều kiện thực tiễn của Việt Nam để xây dựng các mô hình kết cấu hạ tầng mới mang mục đích phát triển. Đây sẽ bước ban đầu cho chiến lược phát triển ngành Công nghiệp văn hóa tại Việt Nam.



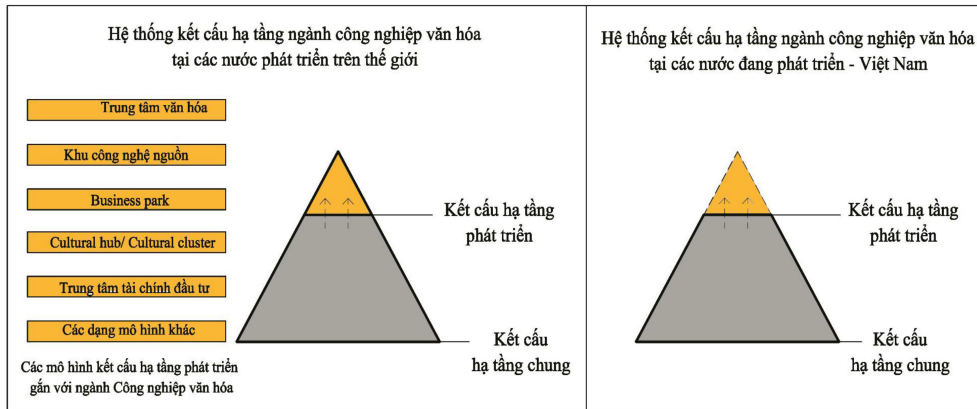
Hình 4. Các loại hình HTKCHT - hình trên
Mô hình sản xuất và hệ thống Kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa - hình dưới



Hình 5. So sánh hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp truyền thống và công nghiệp mới nổi - công nghiệp văn hóa

4. Hệ thống Kết cấu hạ tầng phát triển ngành Công nghiệp văn hóa dựa và các yếu tố nền tảng xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa tại Việt Nam

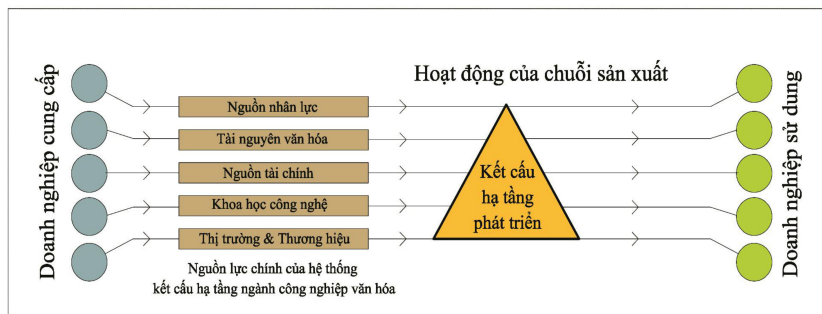
Qua những phân tích về các yếu tố thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp văn hóa và vai trò của hệ thống kết cấu hạ tầng ngành, đưa ra những quan điểm chung về việc tạo lập hệ thống Kết cấu hạ tầng



Hình 6. So sánh hệ thống KCHT tại các nước phát triển và các nước đang phát triển

phát triển ngành công nghiệp văn hóa như sau: Xây dựng hệ thống KCHT phát triển ngành CNVH có nhiệm vụ khai thác các yếu tố nền tảng xây dựng và phát triển ngành công nghiệp văn hóa. Trong đó cách thức hoạt động của hệ thống Kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa như sau:

- Hệ thống Kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa có vai trò nơi tiếp nhận các nguồn lực và phân phối tới các cơ sở trong chuỗi sản xuất trực tiếp. Các nguồn lực bao gồm các yếu tố về Khoa học công nghệ, Tài nguyên văn hóa, Quảng bá thương hiệu, Thị trường và Tài chính. Hệ thống Kết cấu hạ tầng đóng vai trò đầu mối giúp tổng hợp từ nơi cung cấp (phần lớn là doanh nghiệp B2G hoặc B2B) và phân phối các nguồn lực này tới những cơ sở trong chuỗi sản xuất của ngành cho các doanh nghiệp sản xuất, phần lớn là doanh nghiệp B2C (Hình 7).

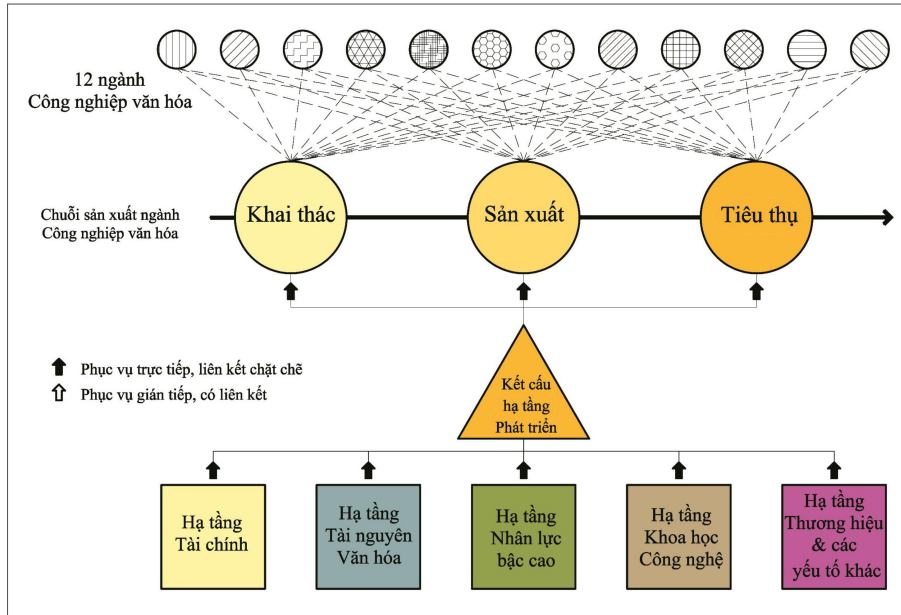


Hình 7. Mô hình hoạt động và mối quan hệ các doanh nghiệp với hệ thống Kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa

- Mô hình hoạt động của hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển ngành Công nghiệp văn hóa phải là mô hình có tính tích hợp, liên ngành, linh hoạt: đối với ngành Công nghiệp văn hóa có quy mô rộng và mở, để xây dựng hệ thống Kết cấu hạ tầng đồng bộ cần nghiên cứu đánh giá kỹ lưỡng, từ phân tích cách thức hoạt động và nhu cầu của từng lĩnh vực để đưa ra các mô hình thích hợp có khả năng phục vụ cho 12 lĩnh vực ngành công nghiệp văn hóa trong cả quy trình sản xuất và tiêu thụ (Hình 8).

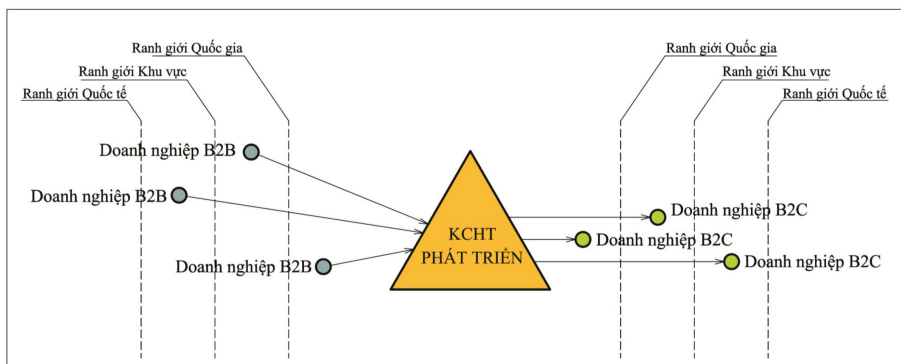
Bên cạnh đó hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa còn cần có sự đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng chung quốc gia để phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp các nhu cầu phát triển của các ngành khác trong hệ thống kinh tế xã hội.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển ngành công nghiệp văn hóa cần có phạm vi hoạt động không



Hình 8. Vai trò và nhiệm vụ hệ thống KCHT phát triển đồng bộ

giới hạn bởi ranh giới quốc gia, cần mở rộng thu hút các nguồn lực nước ngoài từ các nước trong khu vực và trên thế giới, dần đưa Việt Nam thành một điểm nút quan trọng trong việc phát triển ngành Công nghiệp văn hóa toàn cầu (Hình 9).



Hình 9. Vai trò và nhiệm vụ hệ thống Kết cấu hạ tầng phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trong khu vực và quốc tế

- Kết cấu hạ tầng phát triển ngành Công nghiệp văn hóa là môi trường thúc đẩy sáng tạo sản phẩm văn hóa. Dựa vào khả năng cung cấp nguồn lực cần thiết, khả năng tập trung nhân tài, kết cấu hạ tầng phát triển ngành công nghiệp văn hóa không chỉ cung cấp dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp cao mà còn là nơi hình thành những sản phẩm văn hóa, dịch vụ văn hóa, có giá trị.

- Kết cấu hạ tầng phát triển ngành Công nghiệp văn hóa là một bộ phận của hệ thống kết cấu hạ tầng chung quốc gia. Như vậy để phát triển theo hướng đồng bộ hóa, thì hệ thống này cần phát triển tính liên kết, liên ngành, đặc biệt hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật số của ngành công nghiệp văn hóa.

5. Kết luận

Qua quá trình tổng hợp lý thuyết và đánh giá thực tiễn để đưa ra các cơ sở lý luận ban đầu nhằm thiết lập hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa, tác giả đưa ra một số kết luận như sau:

- Thiết lập hệ thống kết cấu hạ tầng cho ngành công nghiệp văn hóa là bước cơ sở tối cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu phát triển ngành công nghiệp văn hóa.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa cần được xây dựng dựa trên đánh giá thực tiễn trong và ngoài nước, xu hướng phát triển của thế giới, và khả năng đáp ứng của Việt Nam.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa cần có hiện nay là hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển, với nhiệm vụ phát huy các nguồn lực trong xã hội.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng ngành Công nghiệp văn hóa cần chú trọng tính liên kết để 12 lĩnh vực ngành công nghiệp văn hóa có thể khai thác hiệu quả và đồng bộ.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng ngành công nghiệp văn hóa cần được chính phủ định hướng và xã hội thực hiện, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng cung ứng và tiêu thụ các nguồn lực.

Nghiên cứu đã đưa ra các yếu tố nguồn lực cần thiết và một số cách thức để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển ngành công nghiệp văn hóa.

Lời cảm ơn

Tác giả chân thành cảm ơn sự hỗ trợ tài chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đề tài “Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng gắn với di sản phục vụ khai thác tài nguyên cho ngành công nghiệp văn hóa tại Việt Nam”, mã số T2017-PC-016.

Tài liệu tham khảo

- [1] CISAC - the International Confederation of Societies of Authors and Composers, Cultural Times (2017). *The first global map of cultural and creative industries*.
- [2] Tuyển, P. D. (2017). Di sản thế giới tại ASEAN “Một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng”, Nhà xuất bản Xây dựng.
- [3] Allen J. Scott (2006). Creative Cities: conceptual Issues and Policy questions. *Journal of Urban Affairs*, 28(1-2):1–17
- [4] Thủ tướng chính phủ (2016). Chiến lược phát triển các ngành Công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 phê duyệt tại QĐ số 1755/ QĐ-TTg, ngày 08/9/2016.
- [5] Nicholas, G. (2005). From cultural to creative industries. *International Journal of Cultural Policy*, (11):15–29.
- [6] Nghị định số 39/2018/NĐ-CP (2018). *Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*.
- [7] Di tích Việt Nam (2017). Wikipedia Bách khoa toàn thư mở.
- [8] Allen, J. S. (2004). Cultural Products Industries and Urban Economic Development, Prospects for Growth and Market Contestation in Global Context. *Journal of SAGE*, (39):461–490.
- [9] Fred, T. (2009). Burning Man at Google: a cultural infrastructure for new media production, *Journal of SAGE*, (11):73–94.
- [10] MasayukiSasaki (2010). Urban regeneration through Cultural creativity and Social inclusion: Rethinking creative city theory through a Japanese case study. *Journal of Cities*, volume 27, (June):S3–S9
- [11] CIEM - Trung tâm Thông tin tư liệu (2014). *Phát triển kết cấu hạ tầng để đảm bảo và thúc đẩy phát triển bền vững*.